

VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2591/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp, sáp nhập Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa và Quỹ Đầu tư phát triển Ninh Thuận và kiện toàn cơ cấu tổ chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa tại Tờ trình số 116/TTr-ĐTPT ngày 07 tháng 10 năm 2025, Công văn số 186/ĐTPT-PC&QLRR ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 6605/SNV-TCBC&CCVC ngày 11 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁNH HÒA**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 2591/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Quỹ) được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Vốn điều lệ” là mức vốn ghi trong Điều lệ này.
- “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
- “Người quản lý Quỹ” là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở chính

- Tên gọi của Quỹ:
 - Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa;
 - Tên viết tắt: KDIF;
 - Tên giao dịch quốc tế: Khanh Hoa Development Investment Fund.
- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Ngô Gia Tự, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

3. Điện thoại, fax, trang thông tin điện tử:

a) Điện thoại: 0258.3515555;

b) Fax: 0258.3516268;

c) Trang thông tin điện tử: <https://qdtpt.khanhhoa.gov.vn> và <http://kdif.vn>

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc.

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động:

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước;

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ của Quỹ;

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ của Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ: 926.578.578.811 đồng (*Chín trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm mười một đồng*) và được bổ sung, điều chỉnh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong từng thời kỳ.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;
- b) Ban Kiểm soát bao gồm: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên;
- c) Ban điều hành bao gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, các quy định có liên quan của các cơ quan có thẩm quyền và Điều lệ này.

Mục 1**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ****Điều 8. Trách nhiệm của Quỹ**

1. Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Thông tư số 86/2021/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Xây dựng Báo cáo quyết toán năm, thực hiện đánh giá và xếp loại Quỹ hàng năm theo chế độ quy định của pháp luật.

4. Ban hành các Quy trình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước và các Quy chế hoạt động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

5. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

3. Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.

5. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ, người lao động của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

7. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

8. Được quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao, vốn huy động để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

9. Được yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án.

10. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư; định giá tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

12. Được chấm dứt hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định chấm dứt việc cho vay, đầu tư; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

13. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, đầu tư vốn nếu xét thấy trái pháp luật và Điều lệ này.

14. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

15. Được đầu tư xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp và sửa chữa tài sản cố định; cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc

quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

16. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động của Quỹ để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam.

Mục 2

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 10. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (Hội đồng quản lý) được ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định phạm vi hoạt động và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 8 và Điều 9 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý có tối đa 05 người, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Giám đốc Quỹ kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

Khi có vụ việc liên quan đến các cơ quan, đơn vị không phải là thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể mời thêm thành phần liên quan tham dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý gồm có:

- 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Chủ tịch Hội đồng quản lý.
- Giám đốc Quỹ - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản lý.
- 01 Lãnh đạo Sở Tài chính - Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý.
- 01 Đại diện Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10 - Thành viên.
- 01 Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh - Thành viên.

4. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản lý có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với các thành viên Hội đồng quản lý

a) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

b) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý:

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con

đề, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) chủ trì. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

3. Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý.

4. Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Ban điều hành Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện; các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ.

2. Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Thông tư số 86/2021/TT-BTC và Điều lệ này.

4. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

5. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

6. Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

7. Thông qua báo cáo tài chính, xếp loại kết quả hoạt động, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

8. Phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Quỹ theo quy định tại Thông tư số 86/2021/TT-BTC.

9. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

10. Quyết định và cho ý kiến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý quy định tại Điều lệ này.

11. Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

12. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ theo quy định áp dụng

đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn và các quy định của pháp luật có liên quan.

13. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức, bộ máy quản lý điều hành Quỹ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

15. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

16. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

17. Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định có trị giá trên 500 triệu đồng nhưng không quá 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ trên báo cáo tài chính được công bố tại quý gần nhất (trừ nhà cửa, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô các loại).

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ;

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phó Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác;

d) Các thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm phối hợp, đề xuất giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở, ngành nơi mình công tác.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 14. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ được quy định tại Điều lệ này.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

7. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

2. Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát theo kế hoạch việc chấp hành chế độ tài chính kế toán tại Quỹ và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát cho Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trình Hội đồng quản lý lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập thành lập và hoạt động tại Việt Nam để kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay Hội đồng quản lý và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm chính sách, chế độ theo quy định Điều lệ này.

8. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát, cung cấp tài liệu, hồ sơ của Quỹ cho các cơ quan bên ngoài khi chưa được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý.

9. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ những vấn đề

cần bổ sung, sửa đổi về tổ chức, hoạt động của Quỹ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ, trực tiếp làm việc với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề hoặc các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

12. Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

13. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và do Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

14. Ban kiểm soát có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, khách quan nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Trung thành với lợi ích của Nhà nước và của Quỹ; quản lý, bảo mật thông tin theo quy định, không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Trong quá trình thực hiện, các thành viên của Ban Kiểm soát không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi trách nhiệm được giao;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý.

Mục 4

BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Điều 16. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà chưa được bổ nhiệm lại hoặc Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được bổ nhiệm lại hoặc Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ.

4. Quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng/phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ) và người lao động theo quy định tại Điều lệ này;

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

đ) Đề nghị Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

e) Đề xuất và trình Hội đồng quản lý đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

g) Được phép đại diện cho Quỹ đối với các quan hệ trong và ngoài nước;

h) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

i) Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý thông qua để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

k) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

l) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ theo

yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý, Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 10;

m) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ;

n) Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống (trừ nhà cửa, vật kiến trúc, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô các loại); quyết định sửa chữa tài sản của Quỹ;

o) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật, Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 17. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trên cơ sở Hội đồng quản lý Quỹ trình và căn cứ vào điều kiện, tình hình hoạt động thực tế của Quỹ.

2. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà chưa được bổ nhiệm lại hoặc Phó Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Phó Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ trước đó vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc Quỹ.

4. Quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

2. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà chưa được bổ nhiệm lại hoặc Kế toán trưởng mới chưa được bổ nhiệm thì Kế toán trưởng của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được bổ nhiệm lại hoặc Kế toán trưởng mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng Quỹ.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 19. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc thành lập, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ.

3. Lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Việc tuyển dụng người lao động của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn, được quy định tại Quy chế tuyển dụng lao động của Quỹ và các quy định pháp luật liên quan.

5. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ) và người lao động theo quy định tại Điều lệ này.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Mục 1

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY

Điều 20. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của tỉnh và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 21. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

2. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này và khoản 1 Điều này.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 22. Nguyên tắc và hình thức đầu tư

1. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế;

- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế;
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư;
- d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là người có liên quan của người quản lý Quỹ;

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

Điều 23. Đối tượng đầu tư

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 24. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế

1. Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư;

b) Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Quỹ quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 25. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư

1. Việc đầu tư dự án của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư;

b) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quỹ triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 3% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 27. Giới hạn đầu tư

1. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 28. Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

b) Không là công ty con của Quỹ;

c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay;

c) Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư;

d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

Điều 29. Thời hạn cho vay

1. Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

2. Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 30. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

2. Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

3. Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 31. Bảo đảm tiền vay

1. Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, sử dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

- a) Cầm cố tài sản của chủ đầu tư và/hoặc của bên thứ ba;
- b) Thế chấp tài sản của chủ đầu tư và/hoặc của bên thứ ba (bao gồm cả tài sản hình thành từ vốn vay);
- c) Bảo lãnh của bên thứ ba;
- d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

Điều 32. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ đầu

tu phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 28 và Điều 34 Điều lệ này.

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Điều 33. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị đến 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị trên 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

Điều 34. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một chủ đầu tư của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 35. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký;

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm 01 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch, 01 thành viên là Giám đốc Quỹ, 01 thành viên là Trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

4. Trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý

rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ được xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu có đủ hồ sơ chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý.

5. Quỹ xây dựng quy chế xử lý rủi ro và trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro.

Điều 36. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ

1. Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.

2. Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 37. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của Quỹ tài chính nhà nước tại địa phương.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ);
- b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;
- c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;
- d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có);
- e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 38. Ủy thác

1. Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Mục 5 HUY ĐỘNG VỐN

Điều 39. Huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

- a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Giới hạn huy động vốn: Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 40. Phát hành trái phiếu Quỹ

1. Quỹ phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ 01 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ;

b) Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

d) Có phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Điều lệ này.

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mục 1

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 41. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán;

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa;

d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý;

đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 42. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp;
- b) Quỹ đầu tư phát triển;
- c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ:

a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định, bảo đảm mức vốn tối thiểu không thấp hơn 300 tỷ đồng;

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

Điều 43. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 37 Điều lệ này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 44. Bảo toàn an toàn vốn

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, bảo đảm an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Điều lệ này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ;

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 45. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm để Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hằng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hằng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo.

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện.

Điều 46. Chế độ báo cáo

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 47. Chế độ công bố thông tin

1. Quỹ thực hiện công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, ngoại trừ công bố thông tin về tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm, báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp, báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính giữa năm.

2. Quỹ thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Quỹ hoặc trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều lệ này.

3. Hội đồng quản lý có trách nhiệm phê duyệt các nội dung công bố thông tin của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này; bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời của các thông tin được công bố.

Mục 2

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác;

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu;

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư;

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán

trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ;

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ theo các tiêu chí sau:

a) Kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao;

b) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Điều lệ này và các quy chế hoạt động Quỹ.

5. Cách thức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ, đánh giá hiệu quả hoạt động người quản lý của Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA QUỸ

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Quỹ

Trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý hoặc theo quy định pháp luật, Quỹ có trách nhiệm xây dựng, báo cáo Hội đồng quản lý thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Chương VI**MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN****Điều 50. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành địa phương**

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Điều lệ đúng quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 10.

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện quản lý hoạt động cho vay của Quỹ;

b) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay của Quỹ.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và xếp lương đối với Quỹ;

b) Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và xếp lương đối với Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này.

Điều 51. Các đơn vị khác

1. Các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam;

b) Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

2. Các đơn vị, doanh nghiệp vay vốn, nhận vốn đầu tư của Quỹ.

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay, vốn đầu tư của Quỹ đúng mục đích, hiệu quả;

- b) Hoàn trả vốn vay, đầu tư cho Quỹ đầy đủ, kịp thời theo quy định;
- c) Cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh cho Quỹ thẩm định, xem xét quyết định cho vay, đầu tư;
- d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ đã cho vay, đầu tư và các nội dung khác có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;
- đ) Tuân thủ các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ

Điều 52. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 53. Cơ cấu lại, giải thể Quỹ

Việc cơ cấu lại, giải thể Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 Chương, 54 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh có quyết định phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ nhưng chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Quỹ./.